

GIỚI THIỆU NGÀNH

NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Trung tâm Đào tạo Quốc tế



Mục tiêu đào tạo

- **Mục tiêu chung**

“

Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủy Lợi nhằm đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc *có kiến thức ngôn ngữ học, lý thuyết và thực hành* chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc; có *năng lực nghề nghiệp cao* ở các lĩnh vực đào tạo (kinh tế và du lịch); *sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc*, có kỹ năng *làm việc trong môi trường đa văn hóa* và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống, có *khả năng thích ứng cao* với những thay đổi nhanh chóng trong thời đại 4.0; Có phẩm chất chính trị vững vàng, có đủ sức khỏe, có *khả năng làm việc độc lập*, có *trách nhiệm* với công việc và cộng đồng để có thể đảm nhiệm các vị trí sử dụng Tiếng Trung Quốc tại các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

”

Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu cụ thể

1

Có kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, nhân văn và khoa học tự nhiên cần thiết đối với một sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc

2

Có kiến thức tốt về ngôn ngữ Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để phục vụ cho công việc có liên quan

3

Có khả năng sử dụng ngoại ngữ 2 đạt bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa

4

Có hiểu biết về văn hóa, xã hội của Trung Quốc và Việt Nam, có khả năng thích nghi tốt với môi trường đa văn hóa

5

Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, có kỹ năng làm việc độc lập, có kỹ năng làm việc nhóm, có tư duy đổi mới sáng tạo, có khả năng tự học suốt đời, có thể học tiếp các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước các chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, thương mại quốc tế

6

Có kiến thức và kỹ năng tin học văn phòng đáp ứng yêu cầu công việc

7

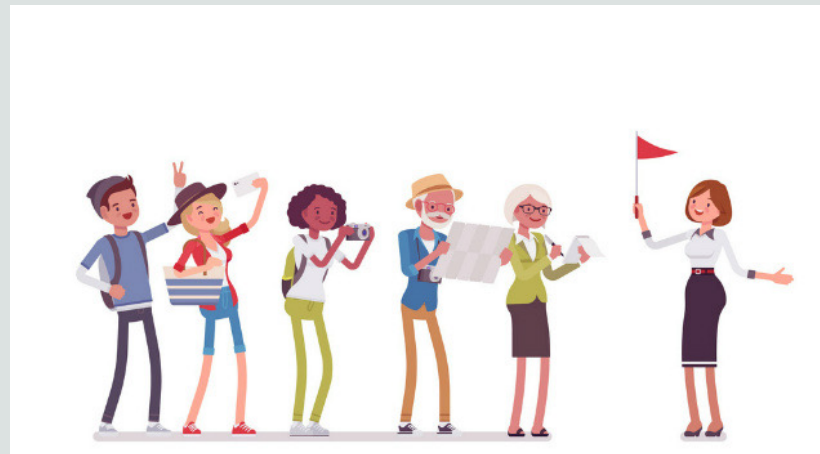
Có thể chất tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp phù hợp; thượng tôn pháp luật, văn minh, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, có ý thức học tập nâng cao trình độ

Mục tiêu đào tạo

- Định hướng ngành nghề sau khi tốt nghiệp



Thư ký văn phòng/ Trợ lý đối ngoại/ Nhân viên kinh doanh, văn phòng/ Điều phối dự án



Nhân viên ngành du lịch



Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên/Cộng tác viên các văn phòng dịch thuật, công chứng



Giảng viên/ Giáo viên/ Nghiên cứu viên

Chương trình đào tạo (140 tín chỉ)

Nội dung	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương	25	17.9%
• Lý luận chính trị	13	9.3%
• Kỹ năng	3	2.1%
• Khoa học tự nhiên và tin học	3	2.1%
• Ngoại ngữ	6	4.3%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	115	82,1%
• Kiến thức cơ sở khối ngành	9	6,4%
• Kiến thức cơ sở ngành	52	37,1%
• Kiến thức ngành	15	10,7%
• Kiến thức chuyên ngành	29	20,7%
• Học phần tốt nghiệp	7	5,0%
• Thực tập chuyên môn	3	2,1%
Tổng	133	100%

GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 25 TÍN CHỈ

TT	Môn học (Tiếng Việt) Courses (Vietnamese)	Môn học (Tiếng Anh) Courses (English)	Mã môn học Course codes	Bộ môn quản lý Administering department	Tín chỉ Credits	HK1 Semester 1	HK2 Semester 2	HK3 Semester 3	HK4 Semester 4	HK5 Semester 5	HK6 Semester 6	HK7 Semester 7	HK8 Semester 8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			25	5	8	7	5	0	0	0	0
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13	2	5	4	2				
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL101	Mác - Lênin	2	2							
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP102	Mác - Lênin	3		3						
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE102	Mác - Lênin	2		2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO103	Mác - Lênin	2			2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV103	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3	3							
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft skills and Entrepreneurship	COPS111	Phát triển kỹ năng	3	3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			3		3						
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3		3						
I.4	Ngoại ngữ	Foreign Language			6			3	3				
	Các học phần lựa chọn												
9	Tiếng Anh 1	English 1	ENGL113	Tiếng Anh	3			3					
10	Tiếng Anh 2	English 2	ENGL124	Tiếng Anh	3				3				
11	Tiếng Hàn 1	English 1	KORE112		3			3					
12	Tiếng Hàn 2	English 2	KORE123		3				3				
13	Tiếng Nhật 1	English 1	JAPA112		3			3					
14	Tiếng Nhật 2	English 2	JAPA123		3				3				
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*			

3. Chương trình đào tạo

GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 115 TÍN CHỈ

TT	Môn học (Tiếng Việt) Courses (Vietnamese)	Môn học (Tiếng Anh) Courses (English)	Mã môn học Course codes	Bộ môn quản lý Administering department	Tín chỉ Credits	HK1 Semester 1	HK2 Semester 2	HK3 Semester 3	HK4 Semester 4	HK5 Semester 5	HK6 Semester 6	HK7 Semester 7	HK8 Semester 8
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			115	12	16	12	15	16	16	18	10
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			9			2	7				
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			52	12	16	10	8	8	0	0	0
II.3	Kiến thức ngành	Core Units			15					8	7		
II.3.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			11					6	5		
II.3.2	Các học phần lựa chọn	Selective Units			4					2	2		
II.4	Kiến thức chuyên ngành	Chinese Language Expertise			29						9	18	
II.4.1	Chuyên ngành tiếng Trung Quốc kinh tế	Chinese for Economics			27						9	18	
II.4.1.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			20						9	9	
II.4.1.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9/18							9	
II.4.2	Chuyên ngành Du lịch	Chinese for Tourism			29								
II.4.2.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			20						6	12	
II.4.2.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9/17							9	
II.5	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation thesis			10								10
71	Thực tập tốt nghiệp	Internship	INTS108	Tiếng Trung Quốc	3								3
72	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	GRPP108	Tiếng Trung Quốc	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total			140	17	24	19	20	16	16	18	10

GIỚI THIỆU ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC



NCS. TS Nguyễn Thuỳ Chi



NCS. TS Tống Thuỳ Vân



Thạc sĩ Nguyễn Lê Cẩm Tú

GIỚI THIỆU ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC



TS. Tạ Hồng Thương



Ths. Vũ Hương Giang

GIỚI THIỆU ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC



TS. Trần Thị Kim Loan



Ths. Nguyễn Thị Thuý An

GIỚI THIỆU GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM K67 ngành NNTQ

K68 NNTQ Lớp 1: NCS. Ths. Tống Thuỳ Vân

K68 NNTQ Lớp 2: NCS. Ths. Nguyễn Thuỳ Chi

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

